

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2547/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục các thành phần hồ sơ trong lĩnh vực
Kế hoạch và Đầu tư cần số hóa theo yêu cầu quản lý
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số

32/TTr-KH&ĐT ngày 09 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục các thành phần hồ sơ trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư cần số hóa theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Sơn

Phụ lục
DANH MỤC CÁC THÀNH PHẦN HỒ SƠ TRONG LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CẦN SỐ HÓA
THEO YÊU CẦU QUẢN LÝ CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND Thành phố)

STT	TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa
I. Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư				
1	1	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	2.002283	1. Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, bao gồm cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu hồ sơ đề xuất dự án không được chấp thuận.
II. Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam				
2	1	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009642	1. Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư.
3	2	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	1.009644	1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.

STT	TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa
4	3	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009645	1. Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (trường hợp hồ sơ do Nhà đầu tư đề xuất)/ Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư (trường hợp hồ sơ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập); 2. Đề xuất dự án đầu tư.
5	4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009646	1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
6	5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009647	1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

STT	TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa
7	6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009649	1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
8	7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009652	1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
9	8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009650	1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

STT	TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa
10	9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009653	1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
11	10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.009654	1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
12	11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh	1.009655	1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

STT	TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa
13	12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009656	1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư
14	13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1.009657	1. Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

STT	TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa
15	14	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009659	1. Văn bản đề nghị gian hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư
16	15	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009661	1. Văn bản thông báo của nhà đầu tư về việc ngừng hoạt động dự án đầu tư; 2. Quyết định của nhà đầu tư về việc ngừng hoạt động dự án đầu tư
17	16	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009662	1. Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư; 2. Quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

STT	TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa
18	17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	1.009664	1. Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; 2. Đề xuất dự án đầu tư.
19	18	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009665	1. Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
20	19	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009671	1. Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
21	20	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	1.009729	1. Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp

STT	TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa
22	21	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009731	1. Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
23	22	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1.009736	1. Thông báo chấm dứt hoạt động Văn phòng điều hành
III. Lĩnh vực Đầu tư theo phương thức đối tác công tư				
24	1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009491	1. Tờ trình đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư
25	2	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009492	1. Tờ trình đề nghị phê duyệt dự án

STT	TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa
26	3	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009493	1. Tờ trình đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư
27	4	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	1.009494	1. Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án
IV. Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn				
28		Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (Cấp tỉnh)	2.000765	1. Văn bản đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp
V. Lĩnh vực Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức				

STT	TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa
29	1	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.002335	1. Văn bản đề nghị phê duyệt văn kiện phi dự án
30	2	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.002334	1. Văn bản đề nghị phê duyệt/điều chỉnh dự án đầu tư
31	3	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.002333	1. Văn bản đề nghị phê duyệt /điều chỉnh dự án (trong đó nêu rõ lý do và giải pháp cần thiết để điều chỉnh, bổ sung)

STT	TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa
32	4	Xác nhận chuyên gia (cấp tỉnh)	2.002058	1. Tờ khai xác nhận chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án ODA tại Việt Nam tại Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT BKHĐT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.
33	5	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	1.008423	1. Tờ trình đề nghị thẩm định chương trình, dự án của cơ quan chủ quản (đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ) hoặc của chủ dự án (đối với chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của người đứng đầu cơ quan chủ quản).
34	6	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án	2.001991	1. Văn bản trình phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án của Chủ dự án/ Chủ đầu tư
35	7	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	2.002053	1. Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được lập cho toàn bộ thời gian thực hiện chương trình, dự án và phải bao gồm tất cả hợp phần, hạng mục, nhóm hoạt động, nguồn vốn tương ứng (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng) và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo

STT	TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa
36	8	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	2.002050	1. Nội dung của kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm phải có thông tin chi tiết về các hợp phần (chia theo hợp phần hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư xây dựng), các hạng mục và hoạt động chính, các nguồn vốn, kể cả vốn đối ứng và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo
VI. Lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa				
37	1	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	2.002418	- Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, trong đó ghi rõ nội dung và mức ngân sách đề nghị được hỗ trợ, báo giá của bên cung cấp (nếu có).
38	2	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	2.001999	Không số hóa do thành phần hồ sơ gồm: (1) Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh; (2) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế; (3) Bản sao hợp lệ chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi.

STT	TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa
39	3	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	2.000024	1. Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số 01a và Mẫu số 01b tại Phụ lục kèm theo của Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.
40	4	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	1.000016	1. Thông báo việc tăng, giảm vốn quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.
41	5	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	2.000005	1. Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Biểu mẫu 03 của Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

STT	TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa
42	6	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	2.002005	1. Thông báo việc giải thể quỹ cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP.
43	7	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	2.002004	1. Thông báo về việc chuyển nhượng Phần vốn góp của các nhà đầu tư theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trong đó nêu rõ thông tin về các bên giao dịch, tỷ lệ sở hữu của các bên (trước và sau khi giao dịch), giá trị giao dịch

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442

Fax: 024.37739443

Email: congbao@hanoi.gov.vn

Website: www.hanoi.gov.vn